

AP 95-
V6 P5-7

Ô THÔNG

Giám-đốc. Chiu-bút : Nguyễn-Vỹ

242



PH

đọc



Thăng
bōm

để biết giá trị của cái



quạt mo

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

COPY PHÂN KAY DUNG VĂN HOA VIỆT NAM
PHÂN BIÊN VĂN HOA ĐÔNG TÂY KIM CO

Giám-đọc, Chủ-bút; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 281 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 242 — 1-4-1970

2 — Bà Chúa Chè	Phạm-văn-Son	11 — 15
3 — Huế ngày nay (t.t.)	Trần-Tử	16 — 19
4 — Dân Việt Nam	Thượng-tân-Thị	20 — 22
5 — Tư-mã-Thiên (t.t.)	Nguyễn-quang-Tô	23 — 28
6 — Binh đội, binh chế VN ngày xưa (t.t.)	Tín-Khanh	39 — 33
7 — Sau cơn mưa (truyện dịch)	Ng-hữu-Trọng	34 — 39
8 — Và... khi anh đi rồi... (thơ)	Châu Giang	40
9 — Một quan điểm dịch thơ Đường	Hoàng-văn.Ngũ	41 — 46
10 — Căn phòng bí mật (truyện dịch)	Giang-Tân	47 — 52
11 — Chia xa (thơ)	Phan-thị.Mai	53
12 — Người ở lại (truyện ngắn)	Đặng-Doanh	54 — 66
13 — Yêu em không nói nên lời (thơ)	Thế-Lan	67
14 — Từ Jules Verne	Chu-minh.Thuy	68 — 72
15 — Hai cụ đồ đấu bút (Trung)	Ng-Tân-Lộc	73 — 75

16 — Văn chương Khải Định	Thái-Bạch	76 — 78
17 — Hàn Lệ Thu	Lương-Trọng-Minh	79 — 83
18 — Khóc chú Kinh Chỉ	Tôn-nữ-Hỷ-khương	84
19 — Cây xương rồng	Lão-Mai	85 — 93
20 — Từ vua Minh Mạng cắm mặc váy	Đông-Tùng	94 — 101
21 — Gọi từ Đà Lạt (thơ)	Nguyễn-trương-Văn	103
22 — Đường về Bình Định	Thái-Tân	104 — 111
23 — Hồ-xuân-Hương	Nguyễn-Vỹ	112 — 117
24 — Khóc bà Song Thu		118 — 122
25 — Sinh khí văn nghệ	Hoàng-Thắng	123 — 125
26 — Sách báo mới		126 — 127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu để rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction réservés, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.



W279109

101

VĂN - HÓA

không nên có đảng-phái,

không nên vụ lợi,

không nên đố-ky, hận thù.

VĂN Hóa phải là thuần túy Văn hóa.

Mỗi Quốc gia có một Lịch sử riêng biệt, một Văn chương riêng biệt, và tất cả những yếu tố riêng biệt kết tạo ra đời sống vật chất và tinh thần của hàng triệu triệu nhân dân liên đới kế tiếp hàng bao nhiêu thế kỷ. Văn hóa là tinh túy thiêng liêng, của thực-thể sống ấy. Nó là bản chất bất diệt, bất dịch, của Giống Nòi. Nguyên vẹn cơ-thể Việt-Nam đã được tạo luyện trong thiên chất RỒNG VÀNG của Long-Nữ Thần-Mẫu, cho nên Văn hóa Việt

nam không rời ra được truyền thống dân tộc RỒNG-VÀNG.

Hơn 48 thế kỷ bị Hán văn ngập tràn, gần một thế kỷ bị Pháp văn chinh phục, Văn hóa Việt-nam vẫn xưa hơn Kim tự Tháp, vững hơn Vạn lý Trường Thành, cao hơn Hy mã Lạp Sơn.

Người Việt Nam có quyền hãnh diện với Văn hóa Việt-Nam.



Nhưng người ta cũng mong rằng mỗi người Việt-Nam nên hãnh diện với bản phận của chính mình phải cố thủ Văn-Hóa cội-rễ, Văn-hóa Nhân-dân, Văn-hóa thuần túy RỒNG VÀNG. Văn-Hóa không phải thuộc về loại hào-nhàng bên ngoài, nghèo nàn đáng thương-hại ở bên trong. Không phải Văn-hóa rực-rỡ sắc mùa sơn quét bề mặt như loại Văn-hóa Mỹ-Châu. Không phải Văn-hóa nhuộm màu bầm như loại Văn-hóa Nga-sô, Trung-quốc. Không phải Văn-hóa hình khối loạn cuồng của Tây-Âu đang lâm vào ngõ bí. Dân tộc Việt-Nam chỉ có Văn-Hóa RỒNG VÀNG bất di-dịch từ ngày đồng ruộng nứt mầm ra câu

ca. dao, rồi kể tiếp Kinh thành Thăng Long nổi dậy tiếng cười kiêu hãnh của Thơ Hồ Xuân-Hương. Thế kỷ XX đang liên-tục truyền thống thiêng-liêng của Long Nữ.



Cho nên, những người làm Văn-hóa hôm nay phải dừng xao-lãng Nhiệm vụ tối. cao của Lịch sử Rồng Vàng trao phó cho mình.

Chia ra phe đảng như bọn xoi thịt giành-dứt miếng ăn, không phải là Văn-Hóa.

Nếu dụng-tâm duy-nhất là cầu danh, vụ lợi, thì hãy ra ngoài địa-hạt Văn-hóa mà khiêu-yũ với bầy dơi. Chẳng hiếm chi bạc tiền danh vọng khắp các nẻo thị-trường, nơi đây tranh đấu để sinh-tồn là định-luật chung của tất cả. Chẳng ai phiến trách ai đâu trong cuộc chạy đua tới Đền-thờ con Bò vàng.

Nhưng đừng nên bèn mảng đến, để mưu đồ phá-hại, Đền thờ Ngọn Bút.

Con người Văn-hóa không phải là quần chúng Pharisiens xâm-nhập ngôi Đền của Chúa.

Ai cũng chán biết trong một xã hội hầu như vô kỷ-luật, mọi tiêu chuẩn định hướng cho Chân-Thiện-Mỹ hầu như không còn được tôn-trọng nữa, Văn-Hóa cũng đã hầu như mất hẳn phong-độ thanh. cao quý-trọng của nó. Mạnh ai nấy tranh giành một chỗ đứng nếu không là một chỗ ngồi, và xô đẩy dẫm đá chửi-bới lẫn nhau.

Danh-dự và giá trị cá nhân của con người bị chà đạp bất cứ bởi ai. Và giá trị của con người Văn hóa nói chung cũng không còn cân nặng bao nhiêu.

Văn hóa bị phá-sản hoàn toàn bởi chính những người Văn hóa.,.



Bây giờ những ai có chút thiện chí và vô tư, có thể nào đưa ra một công thức để bảo vệ Văn hóa được không? Còn có đủ lương năng sáng suốt và bình tĩnh, để bảo vệ Văn hóa thuần túy Văn-hóa, Văn-hóa của dân tộc, của giá trị nhân văn, Văn hóa tự do, thoát khỏi

mọi âm lực, mọi đầu cơ, mọi âm mưu, mọi
thù hận được không ?

Chúng tôi đặt câu hỏi khách quan cho tất
cả những con người Văn hóa ở Miền Nam
hôm nay.



BÀ CHÚA CHÈ VÀ TRÒ ĐỒNG BÓNG

● PHẠM-VĂN-VƠN

ĐỜI Lê-Mạt vào cuối thế kỷ 18 là một giai đoạn hết sức đen tối do đó triều đại phải đi đến chỗ phân hóa rồi cáo chung.

Vua Lê hiển Tôn là một ông vua chỉ biết có cầu an hưởng lạc nên mọi sự quân quốc đều nằm hết trong tay chúa Trịnh như bao nhiêu thế hệ trước. Vua yếu, tôi mạnh đó là một điều nghịch lý cổ kim không ai có thể công nhận. Thực sự điều khiến chạnh quyền bấy giờ là Chúa Trịnh Sâm, tuổi đã cao, lại nhiều bệnh hoạn.

Chúa có một nàng phi rất đẹp là Đặng-thị-Huệ quê quán ở Bắc Ninh, một vùng có nhiều vườn

chè ; Đặng-thị xuất thân ở một gia đình tầm thường và vì sống bằng nghề trồng chè nên sau này bước lên địa vị vợ chúa với chức Tuyên-phi thân dân đều gọi là bà chúa Chè, có ý đánh dấu và mỉa mai họ Đặng về chỗ xuất-xứ thấp hèn đó.

Chúa rất sủng ái họ Đặng.

Họ Đặng có một điểm đặc biệt hơn người ở đôi mắt lẳng lơ tinh tú. Mỗi khi nàng cười, thì mắt nàng cũng cười, ông Chúa già không thể không say mê, ngây ngất, rồi cũng vì Chúa quý cưng chiều người đàn bà đẹp mà quốc sự đời Lê đã đi đến chỗ tan tành sụp đổ.

«*Nhất tiếu Khuynh thành,
nhất tiếu Khuynh quốc*»

Và mấy người đàn bà, có học hay không có học, một khi ở địa-vị đệ nhất phu nhân mà khỏi những sự tác yêu tác quái hôm qua cũng như nay hôm ?

Họ có nhiều tham vọng cũng như cuồng vọng, chỉ lo tiêu hết vinh hoa phú quý, danh lợi, địa-vị vào cho mình khiến nhiều kẻ tay chân nhân chỗ tham vọng của họ mà làm những sự sằng bậy — Kết quả là việc nước nhà nghiêng, chính tình loạn xạ, Triều-đường chia ra năm bè bảy bối.

Hãy xin kể sự cung chiêu của chúa Trịnh-Sâm đối với Đặng-thị.

Chúa có một viên ngọc quý gọi là dạ-minh-châu, một thứ ngọc tỏa sáng trong đêm tối, chúa ưa viên ngọc này vô cùng. Một hôm chúa mang ra khoe với Đặng-thị. Phải nói rằng Đặng-thị là người duy nhất được chúa cho coi viên ngọc ngoài ra chúa vẫn gói viên ngọc ở đầu khăn những lúc rảnh việc, Chúa rút ra nhìn ngắm cả giờ mà không biết chán.

Chúa trao viên ngọc cho Đặng-thị nói :

— Ai phi cầm cần thân kéo rớt, hàng vạn lạng vàng ta có được nhưng viên ngọc này mà vỡ thì khó mà có viên thứ hai. (1)

Đặng-thị liền phản nộ bĩu môi nói :

— Chúa thượng quý viên ngọc hơn tôi chăng ? Tôi cho người vào Quảng-Nam mua có thiếu gì ?

Rồi vừa nói, vừa khóc, nàng quăng viên ngọc xuống đất và đứng dậy bỏ vào trong cung. Chúa vội chạy theo thì cửa cung đã đóng, phải đứng cả tiếng đồng hồ bên ngoài van nài Đặng-thị mới chịu mở và làm lành.

Đặng-thị không có con trai.

Nàng lại muốn có con trai để nối nghiệp chúa.

1) Viên ngọc nói đây có lẽ là hột soàn, tức kim cương hời đó người ngoại-quốc nhập cảng vào Quảng-Nam.

Chúa cũng muốn nàng có con trai để nối nghiệp mình mặc dầu chúa đã có người con lớn là Trịnh-Khai, con của bà Chánh-phi nguyên nhân về cái ý «*phế trường lập thứ*» không ngoài chỗ Đặng-thị muốn là Trời muốn chờ chẳng nói là chúa muốn. Chúa sợ nhất là điều người đẹp không cười và để người đẹp cười thì việc gì mà Chúa không hy sinh cho thỏa dạ của nàng..

Xưa nay ta có sự mê tín là mỗi khi người đàn bà lâu không sanh con trai thì phải cầu tự ở các đình chùa, khẩn vái rõ nhiều, lễ lạc rất linh đình sẽ được thần linh cảm động rồi sẽ cho sanh trai. Rồi một khi đứa con trai ra đời, người ta tin nó là con trời con Phật nên rất quý trọng. Từ đó Đặng-thị hằng ngày tìm đến các đền miếu linh thiêng nhất trong xứ để ăn chay năm mồng.

— Ăn chay năm mồng là thế nào ?

— Là phải giữ mình cho sạch sẽ, thực phẩm không là đồ sát sinh, năm ngủ ngay tại nơi đền

phủ để thần nhân ứng mộng.

Được ít lâu Đặng-thị sinh ra một trai đặt tên là Cán. Chúa và nàng cung chiêu vô cùng và để thực hiện ý đồ của nàng họ Đặng, chúa chính thức giáng Trịnh-Khai và phong Trịnh Cán làm thế tử, đồng thời phong nàng Đặng-thị làm Tuyên phi.

Bấy giờ chúa Trịnh-Sâm đã già, hay đau yếu. Các ngự-y khuyên chúa xa cách nữ sắc để giữ gìn sức khỏe. Chúa rất chu đáo, sợ Đặng-thị buồn nổi cô đơn trong cung nên truyền chỉ cho nàng tự ý bày các trò vui để tiêu khiển.

Đặng-thị liền lấy có thể tử được ra đời là nhờ có sự phù hộ của thần thánh, nàng cho lập một ngôi đền nguy nga tráng lệ trong cung để cúng vái, tốn phí rất nhiều chúa vẫn không tiếc. Trong lúc này ở bên ngoài dân chúng đói rách, nay mất mùa, mai dịch lệ nheo nhóc không bút nào tả xiết.

Từ khi có điện thờ, bọn trai gái ở Kinh thành kéo vào cung làm rất nhiều điều ngang tại

chương mặt khiến bà Thái-phi mẹ của Chúa phải lên tiếng cảnh cáo nhưng chúa vẫn nhắm mắt làm ngơ.

Bọn trai gái nói trên là bọn nào ?

Đó là bọn cung văn, bọn đồng cốt.

Chúng bày trò cho Đặng thị tự xưng là Lê-Hoa thánh mẫu lâm phạm che chở cho thế tử sau này nối nghiệp chúa được suông sẻ và lâu dài.

«Thánh mẫu» truyền kén cho ngài năm tên đồng nam xinh xắn, lanh lẹ ngày đêm quạt hầu và chèo thuyền ngự để ngài ở luôn luôn dưới trần cho thế tử được nắp bóng. Chúa cũng phải nghe nài sắc cho cung giám kiếm đủ mọi thứ.

Cuộc chèo thuyền ngự của thánh mẫu rất là khác thường, không ở dưới nước mà ở trên giường. Thánh mẫu ngồi ở giữa, chung quanh giường có buộc những mái chèo sơn sơn. Máy tên đồng nam vừa chèo, vừa rón

rây, vừa hát véo non :

«Hồ khoan thánh mẫu hồi cung

«Mây đưa gió đón thuyền
rồng lên cao.

Khoan ! Hồ khoan !

Rồi mỗi phút đàn thêm ngọt, hát thêm hay, hương trầm ngào ngọt, Thánh mẫu tit mắt cười, ôn ền khen :

— Vui quá ! thật là vui quá !

— Các con hát nữa đi ! Hát nữa đi !

Bọn đồng nam đặc ý, dọ ran lại càng gây thêm nhiều sự huyền ảo khiến chúa tuy đau yếu cũng phải lần tới và, vào ngồi chung giường với thánh mẫu : Còn việc dâm ô của thánh mẫu với bọn Đồng cốt có hay không, điều này ta khỏi phải nói. Rồi trò đồng bóng trong cung lan dần ra ngoài dân gian, ở các đền miếu và bao nhiêu chuyện như nhớt đã xảy ra. Theo gót Đặng thị là các bà mệnh phu, các kẻ nhà giàu cho đến ngày nay nạn đồng cốt vẫn tồn tại làm tang gia bại sản cho

nhều gia đình, nguy hiểm hơn nữa là kèm theo cả sự phá sản về đạo đức.

Tại Nhật-Bản đã có lệ người đàn bà dưới bốn mươi tuổi đến đền chùa phải có chồng con đi theo, có lẽ người ta nghĩ rằng sự va chạm giữa phụ nữ và dâm sư tăng không phải là vô hại và cần có sự đề phòng. Huống hồ trong trò đồng cốt quàng xiên, buồn thần bán thánh thường có những việc bi đai kinh khủng nhiều hơn

nữa. Và không thể tưởng tượng được. Ở nước ta, người ta cho Đặng thị Huệ là người đã làm này nọ, dâm chồi cho nghề đồng bóng nếu không là TĐ sư của đồng bóng, ý kiến này có quá đáng chăng ?

Kỳ sau : Bà Chúa Chè đã gây nên những hỗn loạn Chánh trị đời Lê Mạt thế nào ?

P.V.S



CHIẾC PHONG CẦM CỦA MUSSOLINI

Một người thợ xứ Norvège dành dụm được số tiền 1500 đồng để mua một chiếc phong cầm (accordéon) và gửi sang cho một hiệu ở thành Rome (kinh đô nước Ý) nhưng đã lâu rồi mà anh không nhận được. Anh bèn gửi thư cho Thủ Tướng Ý là Mussolini để kêu nài.

Mười hôm sau, anh nhận được thư của Mussolini cho anh biết rằng hiệu bán phong cầm mà anh gửi mua đó, đã vỡ nợ, số tiền anh đặt mua cũng bị tịch thu rồi. Kèm theo bức thư, một chiếc phong cầm tuyệt đẹp, đó là món quà của Mussolini tặng cho anh ấy.

HUẾ

NGÀY NAY

TRẦN TỬ

Huế tái thiết cỡ kính
vắng bóng dân thượng
lưu có đáng lãnh bản án
ấy nữa không ?

NÓI tóm tắt, đất Huế trong
nhận xét nói trên, là Huế của quý
tộc và Thượng lưu đã thiếu
tranh đấu tinh. đầu hàng ngoại
bang và phân bội lại quần chúng
đã chiến đấu để bảo vệ xứ sở, bảo
vệ giá trị tinh thần cho quý tộc
và thượng lưu.

Phải khách quan mà thấy
được rằng trong quá khứ, thượng
lưu quý tộc Huế cũng làm cho
người dân có quyền ác cảm với
những hành động của thượng
lưu quý tộc đề nghị như vậy.

Nhưng nhìn rộng ra và suy
nghĩ cho kỹ, ta sẽ thấy rằng :

Giới quý tộc Huế có ích kỷ
trịch thượng và có «trá» cũng là
chuyện thường, tự nhiên, vì những
lý do sau.

Nhà Nguyễn, do vua Minh-
Mạng đề xướng, chủ trương một
chế độ quan liêu, nhằm tập trung
toàn quyền vào hoàng đế, quý tộc
cũng như thành phần công thần
võ tướng, bị gạt ra khỏi bộ máy
quyền hành khác với chế độ phong
kiến giao phó cho quý tộc quyền
hành quân sự. Đây là một đặc
điểm của chế độ.

Quý tộc, trong chế độ này, chỉ
được hưởng cái quyền «làm
tàng», «hách dịch» với lòng
kiêu hãnh về giòng giống cảnh
vàng lá ngọc và một quyền lợi
vật chất không đáng kể, không
đủ cho cá nhân quý tộc giữ được

HUẾ NGÀY NAY

sĩ diện trong một xã hội đòi hỏi
điều này gặt gao đến mức.

Đòi hỏi này là một trong
những lý do khiến cho đời sống
thượng lưu Huế có vẻ phong lưu
phú quý và mặt khác, không được
giao phó trọng trách xứng đáng
mà lại phải có một đời sống một
mặt có tác dụng kích thích sự
hưởng thụ và mặt khác lại buộc
giới thượng lưu phải trách thủ
các phương tiện để sống vương
giả bằng những biện pháp khác
hơn là lao động nông nghiệp
hoặc khai thác thương mại vốn
là tiện nghệ của bách tính, quý
tộc tâm ra «trá».

Nghĩa là nhận xét một cách
rộng rãi hơn, người ta có thể nói
là quý tộc và thượng lưu Huế
quả thực có tội về phương diện
chính trị và luân lý trong quá khứ
nếu ta xét vấn đề bằng một nhân
quan luân lý nông nghệp nghiêm
khắc. Tuy nhiên, đời sống phong
lưu ấy của giới quý tộc, ngược
lại, cũng có cái giá trị của nó :

Tạo cho ở đó những yếu tố cụ
thể của một thành phố xứng đáng
mang danh hiệu là thành phố của

văn hóa, của lịch sử nước Việt
nam thế kỷ thứ XIX trước kỷ
nguyên Tây phương.

Nhìn sâu hơn nữa, trong hiện
tại, nếu giới thượng lưu quý tộc
Huế, trong một quá khứ gay go,
đã mang tiếng và đã làm cho Huế
mang tiếng lầy thì họ cũng đã
góp công một phần lớn trong việc
dựng cho Huế những công trình
kiến thiết đáng kể, sự hiện diện
của quý phái bên cạnh người
trường tộc làm Vua, cũng là một
động lực khiến cho đề đô
được trang bị một Hoàng Cung
hùng vĩ trong đó có những cơ cấu
được dựng lên không vì nhu cầu
riêng của Hoàng gia. Ngoài
Hoàng Cung lớn những phủ đệ
của các vị Vương thân, Từ
Đường của Tôn thất vv.. ngày
mai, đây, cũng có một vai trò
lịch sử đối với hậu thế có trách
nhiệm khai phá tìm hiểu thêm
lịch sử của dân tộc giờ này vẫn
còn nghèo nàn về chứng tích, tài
liệu văn hiện và hiện biết.

Nói một cách khác, nếu cho
rằng «son bắt cao thủy bắt thâm».
là một nhận xét cay độc về giới

quý tộc Huế (dưới một ngôn ngữ và cách nói có ý nghĩa một bức ảnh chụp về Huế dưới một lăng kính chủ quan có hiệu lực giảm thiểu giá trị của Huế về thẩm mỹ) được quần chúng chia sẻ, nghĩa là nhận xét ấy có phần đứng đắn trên phương diện chánh trị và luân lý.

Nhưng không đúng với hiện tại nữa khi người ta phải thấy rằng :

Sau Mậu Thân, giới thượng lưu quý tộc nhiều tiền nhiều của đã rời bỏ cố đô, chuyển của cải và gia đình vào miền Nam vì lý do an ninh.

Quý tộc xưa đã đầu hàng Pháp trước dân chúng trước sĩ phu để bảo vệ quyền lợi riêng, bảo vệ quyền lợi và địa vị thượng lưu của mình khi chủ quyền đất nước rời khỏi tay họ.

Quý tộc nay cũng không khác xưa bao nhiêu xuyên qua việc bỏ chạy bỏ lại cố đô cho dân chúng. Họ bỏ cố đô khi thành phố này có thể là nơi sẽ phải chịu áp lực của chiến tranh, đời sống ở đây thiếu

bảo đảm chắc chắn về mặt an ninh dù chánh quyền dân chủ ngày nay vẫn gần gũi với họ.

Nghĩa là, cố đô tái thiết cố kính khước từ American way Of life không phải là cố đô của quý tộc thượng lưu, nguyên chủ nhân của những công trình lịch sử có tính chất văn hóa khi giới này đã bỏ chạy, đã rút cố đô ở lại để bảo vệ tài sản và tính mạng của mình.

Thực vậy, có sống ở cố đô trong những ngày Tết nhứt, tế lễ mới thấy rõ được sự vắng mặt của giới thượng lưu quý tộc xưa nay vẫn kèn kiệu với địa vị quý tộc trong hòa bình được nắm chánh quyền, vẫn dành lấy quyền chủ nhân của «Thần Kinh mơ mộng». Sự vắng mặt này thực hiển nhiên và rõ ràng qua hình ảnh những người dân ở lại của thành phố vốn là bình dân, quần chúng.

Người bình dân của đất Huế từ trước đến nay vẫn đóng vai trò phụ, nhường quyền chủ nhân Thần kinh cho quý tộc ngày nay.

đã mặc nhiên là chủ nhân của cố đô.

Huế của quần chúng tái thiết cố đô hết còn «sơn bất cao...»

Phải thấy rõ rằng, sau Mậu Thân, Huế chỉ còn lại quần chúng đa số nghèo nàn mà thôi. Quần chúng nghèo nàn ấy đã tái thiết lại «cố đô cố kính» sau khi giới quý tộc giàu sang đã bỏ chạy vào Saigon, mang theo hết của cải.

Chạy khỏi cố đô để hưởng thụ, giới quý tộc đã mặc nhiên làm cho thành phố Huế trở thành thành phố của quần chúng. Và quần chúng, với tình yêu quê hương sâu đậm, với lòng cương quyết bảo vệ những gì là Việt nam, đã cố gắng giữ lại những gì là dân tộc và khước từ đời sống Mỹ. Sức mạnh ấy đã ngăn cản những sĩ nách ba, những cặp nhân tình híp pi: mi ni duúp xuất hiện và đã làm cho Huế không còn là Huế «Sơn bất cao, thủy bất thâm» Con gái và con trai Huế của quần chúng tái

thiết cố đô đã khước từ đồng đô la và tiện nghi Mỹ vốn rất hấp dẫn đối với dân Huế phá sản sau biến cố Mậu Thân không có lý gì phải chịu tiếng xấu ngày trước của giới quý tộc đầu hàng Pháp.

Chẳng những thế mà thôi, quần chúng Huế tái thiết còn có quyền tự hào vì thành phố không chịu ảnh hưởng Mỹ, vì tính chất dân tộc sâu đậm của một thành phố ngày xưa mang tiếng vì quý tộc ngày nay lại là một thành phố Việt nam duy nhứt chống lại được áp lực của tiền tài, phú quý.

Huế ngày nay đã hết «sơn bất cao, thủy bất thâm».

Vì con cái của thành phố ngày nay đã chứng tỏ là đại diện của một nền giống «phú quý bất năng dân». Qua một cố đô tái thiết vẫn cố kính Việt nam khác hẳn với mọi thành phố khác.

Ngày nay, tình yêu của tôi đối với thành phố này được trọn vẹn vì vậy.



KIỆN SƠN TINH -

THỦY TINH

●●● Về của THƯỢNG TÂN THỊ

Kính dâng Ngọc Hoàng
Thượng-Đế

Chúng tôi
Là dân Nam-Việt,
Thuộc địa Lang-sa,
Tánh rất thật-thà,
Lòng không sai chạy,
Cúi đầu trăm lạy,
Ngừa mặt chín trùng,
Bày tỏ thủy chung
Mong nhờ phần phước,
Nước tôi hồi trước,
Tên hiệu Văn-Lang,
Giòng giới Hồng-Bàng,
Hùng-Vương làm chủ,
Nhà đông người đủ,
Vui hưởng thái-bình,
Có gái tốt xinh
My-Nương tên đặt,
Đã tài lại sắc,
Tuyệt thế vô song,
Khấp cả ngoài trong

Không ai dám chọc,
Tuổi vừa cài tóc,
Kén khách đông sàng,
Bỗng có hai chàng,
Ở đâu đến nói,
Sơn Tinh tên gọi
Lại với Thủy-Tinh,
Hai cậu trai tình,
Một cô gái quý,
Ông tơ diềm chỉ,
Biết gả cho ai.
Không lẽ chia hai,
Mỗi người phân nửa.
Hùng vương con rứa,
Mới phân lời ni :
«Định bữa vu-qui
Ai mau thời được.»
Sơn Tinh tới trước,
Rước được dâu về,
Chồng vợ đề huê
Được huê mừng rỡ
Thủy Tinh mắc cỡ,

Vì lẽ tới sau,
Mặt đỏ lòng đau,
Đùng đùng nổi giận
Dông mưa từ trận,
Chuyến động ba đào,
Nước đổ ào ào



Làm nên lụt lội
Dân không có tội,
Mắc phải tai-trương,
Cũng bởi My-Nương
Thủy Tinh gây oán,
Mỗi năm đến hạn
Dâng nước đầy nhà,
Làm hại người ta,
Chết chìm chết nổi,
Than ôi, vận hội,
Đã mấy ngàn năm,
Như bệnh ngậm ngậm,
Không phương cứu chữa

Trời nhà trời cửa,
Ngập bụi ngập bờ,
Già trẻ bơ ngơ,
Gái trai báo ngáo.
Không cơm không cháo,
Không áo không quần,
Không chỗ nương thân,
Không nơi chôn xác.
Sống thì cho mặt,
Thác lại cho sinh.
Cái họa tày đình,
Tại ai đó hả ?
Tranh hôn hai gã,
Ham sắc một nàng,
Nhờ lượng Thánh-Hoàng
Lẽ công phân đoán,
Đầu năm đầu tháng,
Hòa-hảo cho êm
Đừng có thù hiềm,
Hại dân hại nước,
Bỏ điều lằng ngược,
Như đá mau tiêu,
Khỏi đắp đê điều,
Khỏi hao tiền bạc.
Người nông canh tác,
Chẳng sợ nước trôi,
Người ở trên ngôi,
Không lo nước ngập
Chỗ cao chỗ thấp,
Chẳng sợ tràn trề,
Chỗ chợ chỗ quê,

Không lo sinh dẫy
 Ghe thoàng dễ trảy,
 Xe cộ dễ đi
 Từ chốn biên thùý
 Đến nơi trung thồ
 Hết cơn nghèo khổ
 Được sự mạnh giàu,
 Tiến bộ mua mua,
 Bước lên dài múa.
 Ở n này nhớ chúa,
 Non biên đèn bồi,
 Sự ấy tại tôi
 Tất ngang biện bạch
 Quốc gia mạng mạch
 Gốc ở lý-tài,
 Trách được thủy tai,



TRẬN GIẶC NGĂN NGỦ NHẤT :

— Trận chiến giữa Anh Quốc và Tiều Quốc Zanzibar (Phê Châu) xảy ra vào lúc 9 giờ 2 phút và kết thúc vào 9 giờ 40 trong ngày 27-8-1896. Quốc-Vương Said khaliđ đã phải rời khỏi ngai vàng sau 38 phút bị thủy quân Hoàng-gia-Anh pháo kích.

TU MÃ THIÊN

(Tiếp theo P.T 241)

**Nội dung và hình thức bộ
 Sử-ký của Tư Mã Thiên**

Bộ Sử Ký của Tư-Mã-Thiên về phẩm lượng cũng như chất đáng làm hãnh diện, về vang cho bộ môn sử học của thế giới nhân loại nói chung. Đó là lời nhận xét chung của tất cả sử gia Đông Tây cận và hiện đại.

Toàn bộ ông chép từ Hoàng Đế (Vị vua đầu tiên của Trung Hoa) tới Hán vũ Đế (khoảng 100 năm trước công nguyên) gồm 130 thiên, chia ra như sau :

— 12 thiên bản kỷ, chép các triều đại Đế Vương, theo lối biên niên.

— 30 thiên thế gia, chép những vị vương hầu, Thừa tướng,

● — 8 thiên chép về điển chương (Hiến pháp) cùng những tiết mục thuộc tài chánh kinh tế, thiên văn của các triều đại.

— 10 thiên Biêu nghị, ghi những sự kiện lớn lao đã xảy ra trong các triều đại qua các nhân vật lịch-sử.

— 70 thiên liệt truyện, chép những sự tích, hành trạng của một số nhân vật qua các triều đại.

Theo bộ sách «Trung quốc văn học sử gia liệt truyện» của Dương-ân-Thâu do Quảng-Hoa thư quán ấn hành ghi nhận : Đời Hán Tiên Đế (73-19 trước tây lịch), Tư mã Thiên mất rồi một người cháu ngoại của ông mới công bố toàn bộ tác phẩm «Sử Ký», nhưng bị thất lạc mất 10 thiên, nếu đem đối chiếu trong bản mục lục ông đã ghi rõ, lúc đương thời. Sau đó có người khác làm bổ khuyết cho đủ.

Tài liệu không ghi rõ người bổ túc đó tên họ là gì, chỉ biết rằng nội dung nó kém xa so với những phần chính tay ông viết.

Tuy nhiên, đang còn có những giả thuyết dị đồng nhiều

Tại quyển «Khuất nguyên truyện» quyển 84 trang 36 ông viết : «Tôi tới Trường Sa, đi tận nơi khúc sông Khuất Nguyên trầm mình».

Quyển «Lư Hâu thê gia», quyển 53 trang 31 ông viết : «khi tôi được xem hình Trường Lương, trạng bạo giống một người mỹ nữ».

Điểm đặc biệt nhất của Tư Mã Thiên, không phải là người thấy cái gì, nghe ai nói thế nào là ghi chép như thế mà bao giờ ông cũng kèm theo những ý kiến nhận xét, những phân tích hết sức khoa học. Gặp trường hợp chưa thể hạ một nhận định dứt khoát được thì ông đều bị chủ tồn nghi, đề khỏi làm sai lạc hậu thế. Ví dụ : trường hợp Lão-Tử, vấn-đề Lã Thượng thờ nhà Thục, ông chỉ nêu lên những giả thuyết...

Đây là một phương pháp viết lịch sử, cho tới thế giới ngày nay, vẫn có người còn thua ông.

Sứ quan của Tư mã Thiên

Khác hẳn sứ quan của các sử gia phong kiến, lịch sử là một bộ gia phả của các triều đại Đế Vương. Trái lại, sứ quan của họ Mã, chú trọng nhiều tới việc sinh hoạt của nhân dân và tình trạng Xã-hội qua các triều đại, về chánh trị, kinh-tế, văn hóa, nhân tình, phong tục tập quán của mọi địa phương, khiến độc giả khi đọc bộ «Sử ký» của ông, như được chứng kiến từng thời đại một.

Nhờ sứ quan và phương pháp chép sử trác việt ấy, mà bộ Sử-Ký của ông đã làm nổi bật lên bốn trọng điểm sau đây :

1) Bộ «Sử ký» của Tư mã Thiên là một bộ sử đầu tiên chép việc nhiều đời, liên tục trong 3000 năm từ Hoàng đế cho tới triều Hán. Khác hẳn những bộ lịch sử khác ở Trung Hoa trước đó.

2) Thái độ của tác giả rất thành thực, điều nào chưa thể nghiên cứu được rõ, thì ông:

nữa, chúng tôi sẽ nói rõ ở những phần sau.

Sứ quan và phương pháp chép Sử của Tư-mã Thiên

Phương pháp chép sử của Tư-mã-Thiên, trước hết là ông đọc sách suốt 10 năm, đề hiểu sự việc qua sách vở, sau đó ông mới đi quan sát khắp nơi, đề khảo sát so sánh với những cái ở sách vở và thực tại, cộng thêm những tài liệu của Tư mã Đàm bổ ông đi hạ lại. Tất cả những tài liệu đó, ông đem tổng hợp và hệ thống hóa thành mạch lạc, với tinh thần sáng tạo, phân đoạn, bố cục hết sức khoa học và chặt chẽ của ông, đề hoàn thành bộ «Kỷ ký» của ông.

Ngoài ra, ông lại còn tham khảo thêm những tài liệu có giá trị như : «Thạch thất kim quy» «Bác gia tạp sử» và những sử liệu do ông bố đã tích trữ đề lại. Những tài liệu trên ông đem kết hợp với những sự kiện, những di tích, của những

danh lam, thắng cảnh do ông ghi chép bằng tai nghe mắt thấy trong 15 năm ông đi du lịch quan sát.

Ông lại còn tham khảo thêm nhiều sách vở cũ, mỗi đoạn trích dẫn ông đều ghi chú hết sức rõ ràng, minh bạch.

Những nơi ông tới quan sát đề ghi vào sách vở cũng như bây giờ người ta viết phóng sự. Nhưng ông đặc biệt chú trọng minh chú rõ tên người, tên đất. Ví dụ ở bộ «Hạng Vụ bản kỷ» thiên 7 trang 15 ông viết : «Tôi được nghe ông Phùng vương Tông nói rõ ràng mọi việc như thế».

Những trường hợp ông được chứng kiến bằng tai mắt ông cũng ghi chép tường tận : «những sự việc trên chính tôi được tai nghe mắt thấy».

Ví dụ cuốn Khổng tử thế gia «quyển số 47 trang 93 ông viết : «Tôi tới nước Lộ, vào chiêm bái Khổng Miếu được xem kỹ xe cộ, đồ lễ phục và tế khí, như tôi đã kể ở trên».

bị chú «tôn nghì», nếu có nhiều giả thuyết bất đồng, thì ông kể hết, kèm theo ý kiến nhận xét — chưa dám chắc — của ông. Đó là một thái độ rất đúng của người bình bút khoa Sử.

3) Tác giả không chỉ ghi chép những việc của nhà vua, mà về Triết lý, Văn học, Tôn giáo của nhân dân trong triều đại đó, ông cũng ghi chép rõ ràng. Điều này ông đã vượt xa các sử gia Tây phương những 20 thế kỷ. Hơn thế, ông lại còn chú trọng đến các thương nhân, Y sĩ, Thầy bói, bọn du hiệp, thích khách, đề cao vai trò các lãnh tụ bình dân. Đặc tính ông hay bênh vực kẻ yếu và đề cao những anh hùng vô danh.

Một người cách chúng ta những hai chục thế kỷ, mà đã có một phương pháp sử học như Tư-mã-Thiên, quả là một nhân vật trác tuyệt.

4) Tư-mã-Thiên rất chú trọng niên đại. Những sử gia trước ông chưa có một quy tắc

nào nhất định trong phương pháp kê biên niên đại. Cho tới cả bộ Xuân Thu, do Khổng Tử chép, cũng chỉ ghi chép sự việc trong triều đại, mà niên đại lại chỉ theo nhà Chu.

Tới Tư mã Thiên ông mới lập ra niên biểu của 12 nước chư hầu và niên biểu Lục quốc. Đó là một phát minh rất lớn, tỏ rằng ông có tinh thần khoa học, có tinh thần luận lý.

Về phương diện văn chương hay nghệ thuật miêu tả, bộ «Sử ký» của Tư mã Thiên đạt tới một trình độ rất cao, chứ không phải tầm thường.

Ông miêu tả nhân vật nào thì naur nhân vật đó hiện lên

PENI-V	200.000 đv
	400.000 đv
	500.000 đv
Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE- C	

trên giấy, từ cử chỉ, ngôn ngữ, đến hành động nếu có những nét cá biệt. Và nhiều nhân vật đã thành điển hình như Kinh-Kha, Trần-Hiệp, Liên-Kha, Lạn-Trương Như...

Tư-Mã-Thiên có một lối văn tự sự rành rẽ mà không rờm rà. Văn tự sự của ông rất gợi cảm. Đặc biệt nhất là khi ông kể chuyện mà cần trích dẫn cổ văn, thì ông đòi ra văn đương thời cho người đọc dễ hiểu.

Khi ông viết về văn đối thoại, thì nhân vật nói làm sao, ông ghi đúng làm vậy, cho nên đọc Sử-Ký của Tư-Mã-Thiên ta gặp nhiều danh ngôn, ngạn ngữ, ca-dao. Ví dụ: những câu « Thiên kim chi tử, lợi chí tri hôn, nhất xích bố thượng khả phùng, nhất đầu túc thượng khả thung, huynh đệ nhị nhân bất tương dung » Sau này những câu đó đã thành ra thành ngữ, Lối viết chữ ấy đối với thời đại của ông thiệt là mới mẻ.

Văn chương Tư-Mã-Thiên rất hàm súc, nhưng cũng rất bình dị, rõ ràng, có thể nói là

lối văn «hiện thực», không ba hoa chơi chữ một cách vô ích.

Đọc Sử-Ký của Tư-Mã-Thiên, người ta cảm thấy tác giả là một người học rộng, lịch duyệt, có tâm hồn cao thượng yêu đời, nhưng lại gặp nhiều nổi ngang trái của đời, làm cõi lòng lắm nỗi uất ức, nên tác giả đã gửi tất cả tấm lòng vào trong tác phẩm, cái mà Đông phương gọi là « Văn chương xuất ư tâm huyết » hay là : « bất bình tác minh » Cũng như các nhà văn nghệ Tây phương : « Văn thơ là những tâm trạng bị dồn ép được thể dần nở ra » vậy.

Những ưu điểm trác việt của bộ «Sử-Ký»

A) Phần nội dung : Bộ Sử Ký của Tư-Mã-Thiên đã cống hiến vào kho tàng lịch-sử nhân loại một số vàng ngọc đáng giá. Bộ sử của ông là một mô hình không lồ, một kho tàng tài liệu vĩ đại, không những cho sử học Đông-Phương, Nhật-Bản, Triều-Tiên. Trung-Hoa Việt-Nam mà còn cho cả Âu-Mỹ nữa.

Bộ sử của Tư-Mã-Thiên không chỉ đơn thuần một sử liệu mà thôi, mà cả về Xã-hội học, Kinh-tế học, giao thông thủy lục học, cho tới các nhà sáng tác phim ảnh cả thế giới không ai không đọc và nghiên cứu tham khảo.

Người ta đã công bình so sánh rằng, giá trị rộng lớn và vĩnh cửu cho tới nay cả đông tây chưa có một bộ sử nào về nội dung bì kịp.

B) Phần hình thức : Bộ sử ký của Tư-Mã-Thiên, ngoài các phương diện sử học, sử quan, tài liệu phong phú, lại còn là một tác phẩm Văn nghệ. Vì văn lịch-sử thường hay bị khô, người ta đọc hay chán. ngoài những người làm công tác sử học.

Trái lại bộ Sử-Ký của Tư-Mã-Thiên với bút pháp linh hoạt uyển chuyển của ông làm cho bộ Sử-Ký của ông không kém phần màu mè, ướt át, rất hấp dẫn độc giả. dù những độc giả không phải là người

chuyên môn về sử học. cũng rất thích đọc.

Nói tóm lại : Một người như Tư-Mã-Thiên, đã có một công tác Văn hóa vĩ đại đóng góp vào kho tàng văn hóa cho dân tộc Trung-hoa, cho thế giới nhân loại, như Tư-Mã-Thiên, ma chỉ vì tôn trọng sự thật và lẽ phải, mà phải chịu một thứ nhục hình (thiến dái).

Quả đúng là một hành vi vô đạo, một vết nhơ lịch-sử của chế độ phong kiến bạo tàn vậy.

N.Q.T.



BINH ĐỘI BINH CHẾ

VIỆT NAM NGÀY XƯA

●●● TÍN KHANH

(tiếp theo P.T. 240)

Lực lượng vệ đội cơ
và thủy binh. —

NHƯ đã nói ở trên, vào thế kỷ thứ 17, quân đội Việt nam gồm hai phần chính : «Vệ đội» tức Đội bảo vệ Hoàng-thành và «Cơ», quân đội đóng ở các Tỉnh.

Quân số Vệ đội không rõ là bao nhiêu nhưng cũng khá mạnh. Theo Ô. Alexandre de Rhodes thì con số này lên đến 50.000 người. Mỗi lần Nhà Vua ngự ra khỏi Hoàng cung, có đến 10 đến 12 ngàn lính đi trước cùng 300 cỗ voi, nai

nhật rất đẹp. Lính đồng phục : Áo cụt bằng lụa màu tím đục, quần cùng một thứ vải màu, mũ bằng lông lật ra phía sau. Mũ này do Vua ban ngày họ tuyên thệ trung thành với Hoàng triều trước sân rồng.

Khí giới là súng hỏa mai, giáo, gươm, tuy nhiên quen thứ nào họ có quyền sử dụng thứ ấy. Đa số dùng súng loại súng này nòng không phải bằng gang nhưng cũng nặng nề to lớn như súng Pháp.

Quân sĩ trong các Đội cơ cũng dùng súng này và quân số độ 6 vạn người.